

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NGẠN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2022/HS-ST
Ngày 21/3/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Khiết.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Giáp Văn Phẩm – Cán bộ hưu.

Ông Dương Văn Hiến – Phó Bí thư huyện đoàn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Hữu Thơ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Thành Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 108/2021/TLST-HS ngày 31 tháng 12 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2022/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 01 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 04//2022/HSST-QĐ ngày 21 tháng 01 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2022/HSST-QĐ ngày 18 tháng 02 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 12/HSST-QĐ ngày 02 tháng 3 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Quán Văn T; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: không; Sinh ngày 19/01/2004. Sinh, trú quán: Thôn D, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Dân tộc: Tày; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 9/12. Đảng, đoàn thể: Không. Bố đẻ: Quán Văn S, sinh năm 1985. Mẹ đẻ: Loan Thị H, sinh năm 1985. Cùng trú tại Thôn D, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Vợ, con: chưa có. Anh chị em ruột: Có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh hiện đang tại ngoại tại địa phương. (Có mặt).

2. Họ và tên: Lường Văn K; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: không; Sinh ngày 19/03/2003. Sinh, trú quán: Thôn D, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Dân tộc: Tày; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 9/12. Đảng, đoàn thể: Không. Bố đẻ: Lường Văn Đ, sinh năm 1983.

Mẹ đẻ: Loan Thị V, sinh năm 1982. Cùng trú tại Thôn D, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Vợ, con: chưa có. Anh chị em ruột: Có 02 anh em, bị cáo là con thứ hai

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh hiện đang tại ngoại tại địa phương. (Có mặt).

3. Họ và tên: **Nịnh Văn H;** Giới tính: Nam; Tên gọi khác: không. Sinh ngày 14/05/2003. Sinh, trú quán: Thôn D, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Dân tộc: Cao lan; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 9/12. Đảng, đoàn thể: Không. Bố đẻ: Nịnh Văn T, sinh năm 1978. Mẹ đẻ: Lường Thị P, sinh năm 1977. Cùng trú tại Thôn D, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Vợ, con: chưa có. Anh chị em ruột: Có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh hiện đang tại ngoại tại địa phương. (Có mặt)

4. Họ và tên: **Lường Văn L;** Giới tính: Nam; Tên gọi khác: không. Sinh ngày 20/10/2003. Sinh, trú quán: Thôn D, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Dân tộc: Tày; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 8/12. Đảng, đoàn thể: Không. Bố đẻ: Lường Văn S, sinh năm 1970. Mẹ đẻ: La Thị H, sinh năm 1971. Cùng trú tại Thôn D, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Vợ, con: chưa có. Anh chị em ruột: Có 02 anh em, bị cáo là con thứ hai.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh hiện đang tại ngoại tại địa phương. (Có mặt).

5. Họ và tên: **Lường Văn Th;** Giới tính: Nam; Tên gọi khác: không. Sinh ngày 01/9/2003. Sinh, trú quán: Thôn D, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Dân tộc: Tày; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 9/12. Đảng, đoàn thể: Không. Bố đẻ: Lường Văn C, sinh năm 1979. Mẹ đẻ: Dương Thị C, sinh năm 1984. Cùng trú tại Thôn D, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Vợ, con: chưa có. Anh chị em ruột: Có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất. Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh hiện đang tại ngoại tại địa phương. (Có mặt).

6. Họ và tên: **Tô Văn T;** Giới tính: Nam; Tên gọi khác: không. Sinh ngày 03/02/2003. Nơi cư trú: Thôn D, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Dân tộc: Tày; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 9/12. Đảng, đoàn thể: Không. Bố đẻ: Tô Văn C, sinh năm 1979. Mẹ đẻ: Lý Thị L, sinh năm 1983. Cùng trú tại Thôn D, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Vợ, con: chưa có. Anh chị em ruột: Có 02 chị em, bị cáo là con thứ hai.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh hiện đang tại ngoại tại địa phương. (Có mặt)

*** Người bào chữa cho bị cáo Quán Văn T:**

Ông Thân Văn L – Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Giang. (Có mặt).

*** Người đại diện hợp pháp của các bị cáo:**

1. Ông Quán Văn S, sinh năm 1985(Có mặt)

Địa chỉ: Thôn D, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Là người đại diện hợp pháp cho bị cáo Quán Văn T.

2. Bà Loan Thị V, sinh năm 1982 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn D, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Là người đại diện hợp pháp cho bị cáo Lường Văn K.

3. Bà Lường Thị P, sinh năm 1977(Có mặt)

Địa chỉ: Thôn D, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Là người đại diện hợp pháp cho bị cáo Ninh Văn H.

4. Ông Lường Văn S, sinh năm: 1970 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn D, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Là người đại diện hợp pháp cho bị cáo Lường Văn L.

5. Bà Dương Thị C, sinh năm 1984 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn D, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Là người đại diện hợp pháp cho bị cáo Lường Văn Th.

6. Bà Lý Thị L, sinh năm 1983 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn D, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Là người đại diện hợp pháp cho bị cáo Tô Văn T.

*** Bị hại:**

- Anh Trương Văn Đ, sinh ngày 09/11/2004 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Người đại diện cho bị hại: Ông Trương Văn C, sinh năm 1983 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

Là người đại diện hợp pháp cho anh Trương Văn Đ.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Anh Sái Văn T, sinh ngày 21/9/2005 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn D, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Người đại diện: Bà Tô Thị H, sinh năm 1984 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn D, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Là người đại diện hợp pháp cho anh Sái Văn T.

*** Người làm chứng:**

1. Anh Trương Văn Đ, sinh năm: 1983 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

2. Anh Quách Văn H, sinh năm: 2002 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

3. Anh Hoàng Văn Đ, sinh ngày 28/6/2003 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

* Đại diện Đoàn thanh niên xã P, huyện L: Ông Đặng Văn C – Chức vụ Phó Bí thư Đoàn xã P.

* Đại diện Đoàn thanh niên xã Đ, huyện L: Ông Vi Văn M – UV Ban thường vụ Đoàn xã Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có mâu thuẫn cá nhân giữa Trương Văn Đ sinh ngày 09/11/2004 trú tại thôn T, xã P, huyện L với Quán Văn T, sinh ngày 19/01/2004 trú tại Thôn D, xã Đ, huyện L, thì Trương Văn Đ có sử dụng mạng xã hội Facebook trên điện thoại di động để nhắn tin bằng những lời lẽ thách thức đánh nhau với Quán Văn T và hẹn địa điểm để đánh nhau tại cổng Trường Trung học cơ sở (THCS) xã P. Sau khi hai bên nhắn tin qua lại. Khoảng 23 giờ ngày 30/01/2021, khi Quán Văn T đang ngồi chơi tại nhà văn hóa Thôn D, xã Đ, huyện L cùng với Lường Văn K, sinh ngày 19/3/2003; Ninh Văn H, sinh ngày 14/5/2003; Lường Văn L, sinh ngày 20/10/2003; Lường Văn Th, sinh ngày 01/9/2003; Tô Văn T, sinh ngày 03/02/2003 và Sái Văn T, sinh ngày 21/9/2005 đều trú tại Thôn D, xã Đ, huyện L. Lúc này Quán Văn T rủ H, L, K, Th, T và Sái Văn T đi đánh nhau với Trương Văn Đ, thì tất cả mọi người đồng ý, rồi Quán Văn T đi về nhà mình lấy 05 đoạn kim loại (loại tuýp sắt) hình trụ, dạng rỗng, màu trắng, đường kính 02 cm có chiều dài lần lượt là 193cm, 195cm, 202cm, 203cm, 300cm mang quay lại nhà văn hóa thôn D, xã Đ, rồi đưa cho Tô Văn T, Lường Văn Th, Ninh Văn H, Sái Văn T mỗi người 01 đoạn kim loại (loại tuýp sắt) để làm hung khí mang đi đánh nhau với Đ. Trên đường đi thì Lường Văn L có nhặt 02 thanh gỗ, hình tròn dài khoảng 1,5m đưa cho Lường Văn K để dùng làm hung khí đánh Đ. Khi đến cổng Trường Trung học cơ sở xã P, nhóm của Quán Văn T phát hiện thấy Trương Văn Đ và một số người bạn của Đ đang đứng ở khu vực cổng Trường THCS xã P, khi nhóm của T đến gần nhóm của Đ, thì nhóm của Đ đã dùng sỏi - đá ném về phía nhóm Quán Văn T, tuy nhiên không trúng ai nên không gây thương tích gì. Lúc này Quán Văn T cầm gậy sắt (Đoạn tuýp sắt) tiến lên trước thì những người trong nhóm của Đ đã bỏ chạy

còn lại Trương Văn Đ không kịp chạy đã bị Quán Văn T dùng gậy sắt vụt vào vùng lưng và đầu, tay của Đ, Đ ngồi sụp xuống ôm đầu, thì Sái Văn T, Lường Văn L, Ninh Văn H, Lường Văn Th, Lường Văn K cùng nhau dùng gậy gỗ, tuýp sắt vụt vào người Đ. Sau khi gây thương tích cho Đ, thì nhóm của Quán Văn T đi ra về, lúc này Sái Văn T có phát hiện 01 nam thanh niên không rõ danh tính (không biết tên tuổi, địa chỉ cụ thể) cầm 01 thanh kiếm tự chế đang đứng ở gần đó, Sái Văn T có đuổi theo nam thanh niên đó, thì bị nam thanh niên ném thanh kiếm tự chế về phía của Sái Văn T, nhưng không gây thương tích gì, sau đó nhóm của T nhặt và cầm thanh kiếm đó về. Trên đường đi về xã Đ thì Lường Văn K và Lường Văn L đã vất bỏ 02 đoạn gậy gỗ.

Sau khi bị nhóm của Quán Văn T thương tích, Trương Văn Đ được gia đình đưa đi cấp cứu tại Trung tâm y tế huyện L chữa trị từ ngày 31/01/2021 đến ngày 08/02/2021 thì ra viện.

Ngày 31/01/2021 Trương Văn Đ đã có đơn gửi Công an xã P và Công an huyện L đề nghị xử lý các đối tượng đã có hành vi gây thương tích cho anh theo quy định của pháp luật.

Tại giấy chứng nhận thương tích số 47/CNTC ngày 09/4/2021 của Trung tâm y tế huyện L xác định Trương Văn Đ chuẩn đoán vết thương da đầu gây xương đốt I ngón 1, 2 tay phải do bạo lực. Tình trạng thương tích lúc vào viện:

- Vùng đỉnh chằm vết thương rách da đầu 06cm, nham nhở;
- Bàn tay trái ngón 3,4,5 vết sâu sát rỉ máu;
- Ngón 1, 2 bàn tay phải sưng nề biến dạng;
- X-quang: Hình ảnh gãy xương đốt I ngón 1, 2 bàn tay phải.

Ngày 12/6/2021 Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện L đã tiến hành xác định hiện trường nơi xảy ra vụ việc đánh nhau vào tối ngày 30/01/2021 tại thôn T, xã P, huyện L.

Ngày 03/6/2021 Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện L ra Quyết định trưng cầu giám định mức độ tổn hại sức khỏe đối với Trương Văn Đ. Tại bản kết luận giám định pháp y số 68/21/TgT ngày 04/6/2021 của Trung tâm pháp y Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Giang đối với anh Trương Văn Đ xác định :

“1. Dấu hiệu chính qua giám định.

- Thương tích vết sẹo vùng đỉnh chằm là 2%.
- Thương tích vết sẹo đốt 1 ngón III bàn tay trái là 1%.
- Thương tích vết sẹo đốt 1 ngón IV bàn tay trái là 1%.
- Thương tích chạm thương ngón V bàn tay trái không còn dấu vết : 0%.
- Thương tích vết sẹo mổ đốt 1 ngón II bàn tay phải + X - quang bàn tay phải: Gãy đốt 1 ngón II đã kết hợp xương bằng nẹp vít, còn nẹp, xương đã can, trục thẳng là 4%.

- Thương tích chàm thương ngón I bàn tay phải không còn dấu vết + X-quang: Gãy đốt 1 ngón I, đã can tốt là : 3%.

Tổng tỷ lệ thương tích theo phương pháp cộng của Thông tư số 22/2019/TT-BYT: 4% + 3% + 2% + 1% + 1% + 0% = 11%.

2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: **11%(mười một phần trăm)**.

Ngày 02/4/2021 Quán Văn T đã giao nộp 05(năm) thanh kim loại hình trụ tròn rỗng, màu trắng, đường kính 02cm có chiều dài là 195,5cm, 193cm, 203cm, 202cm, 300cm và 01 thanh kiếm tự chế cho Công an xã Phú Nhuận để phục vụ công tác điều tra.

Vào các ngày 16/6/2021, 25/7/2021, 11/8/2021 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L đã cho Lương Văn Th, Lương Văn L, Ninh Văn H, Lương Văn K, Quán Văn T, Sái Văn T tiến hành nhận dạng các hung khí mà các đối tượng đã sử dụng để đánh nhau, gây thương tích, qua quan sát tất cả các đối tượng trên đều đã nhận dạng được số hung khí đã sử dụng gây thương tích cho Trương Văn Đ vào tối ngày 30/01/2021 tại thôn T, xã P, huyện L.

Đối với 01 chiếc kiếm tự chế trong quá trình đánh nhau khi Sái Văn T đuổi đánh 01 nam thanh niên không rõ tên tuổi địa chỉ do trời tối nên T không nhận biết được đặc điểm của nam thanh niên và cũng chưa gây thương tích gì cho người thanh niên đó, quá trình điều tra không xác định được người đó là ai nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L không có căn cứ để làm rõ, xử lý đối với hành vi nêu trên.

Đối với 02 chiếc gậy gỗ hình tròn dài khoảng 1,5m mà Lương Văn L và Lương Văn K đã sử dụng để gây thương tích cho Trương Văn Đ, trên đường đi về thì L, K đã vất bỏ trên đường, do trời tối nên không nhớ rõ cụ thể là vị trí nào. Ngày 05/8/2021 Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện L đã ra thông báo truy tìm vật chứng, nhưng đến nay vẫn chưa có kết quả.

Đối với Sái Văn T, sinh ngày 21/09/2005. Tính đến thời điểm xảy ra sự việc phạm tội ngày 30/01/2021 Sái Văn Trường khi đó mới là 15 tuổi 04 tháng 09 ngày, nên Sái Văn T chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật. Do đó Công an huyện L đã ra Quyết định xử phạt hành chính số 186/QĐ-XPHC ngày 08/12/2021 đối với Sái Văn T với hình thức Cảnh cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, giải quyết vụ án. Ngày 02/12/2021, Quán Văn T, Ninh Văn H, Sái Văn Trường, Lương Văn K, Lương Văn L, Tô Văn T, Lương Văn Th đã cùng tự nguyện bồi thường cho Trương Văn Đ với tổng số tiền là **70.000.000 đồng** (bảy mươi triệu đồng), Trương Văn Đ đã nhận đủ số tiền trên, không có yêu cầu đề nghị gì, có đơn xin rút và đề nghị miễn truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị can. Do đó không đặt ra xem xét giải quyết về phần dân sự.

Về vật chứng: Đối với 05 chiếc gậy (Thanh kim loại hình trụ) dạng rỗng, màu trắng, đường kính 02 cm có chiều dài lần lượt là 193cm, 195cm, 202cm,

203cm, 300cm và 01 thanh kiếm tự chế hiện đang được tạm giữ tại kho vật chứng Công an huyện Lục Ngạn được chuyển đến kho vật chứng của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L để xử lý theo quy định của pháp luật.

Từ những nội dung trên, bản Cáo trạng số 02/CT-VKS-HS ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang đã truy tố các bị cáo Quán Văn T cùng đồng phạm về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Quán Văn T, Lường Văn K, Ninh Văn H, Lường Văn L, Lường Văn Th, Tô Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng truy tố. Các bị cáo cho rằng xuất phát từ việc mâu thuẫn cá nhân nên các bị cáo đã có hành vi gây thương tích cho anh Đ. Các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật xin lỗi anh Đ.

Bị hại Trương Văn Đ chấp nhận lời xin lỗi và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được hưởng án treo không yêu cầu bồi thường thêm.

Hội đồng xét xử đã công bố lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa. Không ai có ý kiến gì về những lời khai công bố.

Tại phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang giữ nguyên quan điểm như bản Cáo trạng đã truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Quán Văn T, Lường Văn K, Ninh Văn H, Lường Văn L, Lường Văn Th, Tô Văn T phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

2. Về hình phạt:

Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 65, Điều 58, Điều 90, Điều 91 Bộ luật Hình sự. Xử phạt Quán Văn T từ 15 đến 18 tháng nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 đến 36 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Quán Văn T cho UBND xã Đ, huyện L giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65, Điều 58, Điều 90, Điều 91 Bộ luật Hình sự. Xử phạt Lường Văn K từ 12 đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Lường Văn K cho UBND xã Đ, huyện L giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65, Điều 58, Điều 90, Điều 91 Bộ luật Hình sự. Xử phạt Ninh Văn H từ 12 đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Ninh Văn H cho UBND xã Đ, huyện L giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65, Điều 58, Điều 90, Điều 91 Bộ luật Hình sự. Xử phạt Lương Văn L từ 12 đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Lương Văn L cho UBND xã Đ, huyện L giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65, Điều 58, Điều 90, Điều 91 Bộ luật Hình sự. Xử phạt Lương Văn Th từ 12 đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Lương Văn Th cho UBND xã Đ, huyện L giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65, Điều 58, Điều 90, Điều 91 Bộ luật Hình sự. Xử phạt Tô Văn T từ 12 đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Tô Văn T cho UBND xã Đ, huyện Lục Ngạn giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

3. Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, giải quyết vụ án các bị cáo Quán Văn T, Ninh Văn H, Sái Văn T, Lương Văn K, Lương Văn L, Tô Văn T, Lương Văn Th đã cùng tự nguyện bồi thường cho Trương Văn Đ nên không đặt ra vấn đề xem xét giải quyết.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy 05 chiếc gậy (Thanh kim loại hình trụ) dạng rỗng, màu trắng, đường kính 02 cm có chiều dài lần lượt là 193cm, 195cm, 202cm, 203cm, 300cm và 01 thanh kiếm tự chế là vật chứng của vụ án.

5. Về án phí: Bị cáo Quán Văn T (do ông Quan Văn Sơn là người đại diện), Lương Văn K, Ninh Văn H, Lương Văn L, Lương Văn Th, Tô Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận về tội danh, hình phạt.

Bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đều không có ý kiến gì tranh luận với đại diện Viện kiểm sát.

Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo Quán Văn T tranh luận: Đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc không áp dụng tình tiết tăng nặng quy định tại điểm o, khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Quán Văn T vì bản thân bị cáo cùng là người dưới 18 tuổi nên bị cáo chưa nhận thức đầy đủ hành vi của mình, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên mức hình phạt đối với bị cáo T từ 12 đến 14 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát đối đáp: Hiện nay chưa có văn bản hướng dẫn nào quy định chủ thể bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội” quy định tại điểm o, khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự

phải là người trên 18 tuổi. Qua đánh giá toàn diện hành vi, tính chất mức độ tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị mức án phù hợp với vai trò của từng bị cáo nên giữ nguyên quan điểm.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Các bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử cho các bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Hội đồng xét xử xét thấy hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện L, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện L, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, làm chứng vắng mặt nhưng đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt của những người này không ảnh hưởng đến kết quả xét xử. Căn cứ quy định tại Điều 292, Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục xét xử vụ án.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Quán Văn T, Lường Văn K, Ninh Văn H, Lường Văn L, Lường Văn Th, Tô Văn T khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan cảnh sát điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng cùng tang vật chứng thu được và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy đã có đủ cơ sở kết luận: Do có mâu thuẫn cá nhân giữa Trương Văn Đ với Quán Văn T, khoảng 23 giờ ngày 30/01/2021 tại khu vực cổng Trường trung học cơ sở xã P, huyện L. Quán Văn T, sinh ngày 19/01/2004 (thời điểm phạm tội 17 tuổi 11 ngày) Lường Văn K, sinh ngày 19/3/2003 (thời điểm phạm tội 17 tuổi 10 tháng 11 ngày) Ninh Văn H, sinh ngày 14/5/2003 (thời điểm phạm tội 17 tuổi 8 tháng 16 ngày) Lường Văn L, sinh ngày 20/10/2003 (thời điểm phạm tội 17 tuổi 3 tháng 10 ngày) Lường Văn Th, sinh ngày 01/9/2003 (thời điểm phạm tội 17 tuổi 4 tháng 29 ngày) Tô Văn T, sinh ngày 03/02/2003 (thời điểm phạm tội 17 tuổi 11 tháng 29 ngày) và Sái Văn T, sinh ngày 21/9/2005 (thời điểm phạm tội là 15 tuổi 4 tháng 09 ngày), đã cùng có hành vi dùng hung khí nguy hiểm gây thương tích cho anh Trương Văn Đ, sinh ngày 09/11/2004 trú tại thôn T, xã P, huyện L. Hậu quả anh Trương Văn Đ bị tổn thương 11% sức khỏe.

Hành vi nêu trên của các bị cáo Quán Văn T, Lường Văn K, Ninh Văn H, Lường Văn L, Lường Văn Th, Tô Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích”. Tội danh và hình phạt được quy định tại điểm đ khoản 2 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1) Điều 134 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng và

bản Luận tội của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện L tại phiên tòa đã truy tố các bị cáo nêu trên về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1) Điều 134 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội và đúng quy định pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân, làm mất trật tự trị an ở địa phương. Chỉ vì do mâu thuẫn cá nhân mà các bị cáo đã có hành vi dùng hung khí nguy hiểm là gậy gỗ và tuýp sắt đánh, vào vạt vào lưng, đầu, tay, người của bị hại Trương Văn Đ thương tích 11% sức khỏe. Qua đó thể hiện các bị cáo là người coi thường tính mạng, sức khỏe của người khác, coi thường pháp luật của Nhà nước. Hơn nữa hiện nay vấn đề bạo lực học đường đang là vẫn đang là vấn đề nhức nhối của toàn xã hội. Do đó cần phải xử lý nghiêm đối với bị cáo nhằm giáo dục riêng, cũng như để đấu tranh phòng ngừa đối với loại tội phạm này nói chung.

[4] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì thấy:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Quán Văn T có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, đó là xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội theo quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Còn lại các bị cáo khác, thì không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra các bị cáo Quán Văn T, Lường Văn K, Ninh Văn H, Lường Văn L, Lường Văn Th, Tô Văn T đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả cho người bị hại, nên đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Xét vai trò của các bị cáo thì thấy: Đây là vụ án đồng phạm có tính chất đồng phạm giản đơn. Bị cáo Quán Văn T giữ vai trò chính, nguyên nhân xảy ra việc gây thương tích cũng chính xuất phát từ bị cáo T, bị cáo cũng chính là người rủ các bị cáo và chuẩn bị công cụ để tham gia hành vi phạm tội, các bị cáo khác chỉ là người thực hành cùng bị cáo T thực hiện hành vi gây thương tích.

[6] Xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội của các bị cáo cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Các bị cáo tại thời điểm phạm tội đều là người dưới 18 tuổi nhận thức chưa đầy đủ, nhất thời phạm tội. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đều thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình, tỏ ra ăn năn hối cải, đã tích cực bồi thường cho bị hại. Phía bị hại đã xin giảm nhẹ hình phạt đề nghị cho các bị cáo hưởng án treo. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy chưa cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà chỉ cần cho các bị cáo hưởng án treo cũng đủ răn đe, giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt.

Tuy nhiên về hình phạt, tại thời điểm phạm tội các bị cáo đều chưa đủ 18 tuổi nhưng các bị cáo đã có hành vi dùng hung khí nguy hiểm gây thương tích cho anh Trương Văn Đ với tỷ lệ tổn thất 11% sức khỏe nên xét thấy cần thiết áp dụng mức hình phạt cao hơn mức đại diện Viện Kiểm sát đề nghị mới đủ sức răn đe các

bị cáo. Đối với bị cáo Quán Văn T là người rủ rê các bị cáo khác thực hiện hành vi phạm tội, là người chuẩn bị công cụ phương tiện phạm tội nên bị cáo cần phải chịu mức hình phạt cao hơn các bị cáo khác. Đối với các bị cáo còn lại đều là đồng phạm trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội cùng bị cáo T nên cùng chịu mức hình phạt ngang nhau.

[7] Đối với anh Sái Văn T, sinh ngày 21/09/2005. Tính đến thời điểm xảy ra sự việc phạm tội ngày 30/01/2021 Sái Văn Trường khi đó mới là 15 tuổi 04 tháng 09 ngày, nên Sái Văn T chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định của pháp luật. Do đó Công an huyện L đã ra Quyết định xử phạt hành chính số 186/QĐ-XPHC ngày 08/12/2021 đối với Sái Văn T với hình thức Cảnh cáo là có căn cứ.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, giải quyết vụ án. Ngày 02/12/2021 Quán Văn T, Ninh Văn H, Sái Văn Trường, Lường Văn K, Lường Văn L, Tô Văn T, Lường Văn Th đã cùng tự nguyện bồi thường cho Trương Văn Đ với tổng số tiền là 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng), Trương Văn Đ đã nhận đủ số tiền trên, không có yêu cầu đề nghị gì, có đơn xin rút và đề nghị miễn truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị can. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[9] Về xử lý vật chứng: Đối với 05 chiếc gậy (Thanh kim loại hình trụ) dạng rỗng, màu trắng, đường kính 02 cm có chiều dài lần lượt là 193cm, 195cm, 202cm, 203cm, 300cm và 01 thanh kiếm tự chế là vật chứng sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu tiêu hủy.

[10] Về án phí: Bị cáo Quán Văn T (do ông Quán Văn S là người đại diện), Lường Văn K, Ninh Văn H, Lường Văn L, Lường Văn Th, Tô Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[12] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm 0 khoản 1 Điều 52; Điều 65, Điều 58, Điều 90, Điều 91 Bộ luật Hình sự; Điều 3, Điều 23 Nghị quyết 326/2014/UBTVQH-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội.

Xử phạt bị cáo Quán Văn T 01 năm 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 03 năm 04 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Quán Văn T cho UBND xã Đ, huyện L giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

2. Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65, Điều 58, Điều 90, Điều

91 Bộ luật Hình sự; Điều 3, Điều 23 Nghị quyết 326/2014/UBTVQH-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội.

Xử phạt bị cáo Lường Văn K 01 năm 04 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 năm 08 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Lường Văn K cho UBND xã Đ, huyện L giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

3. Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65, Điều 58, Điều 90, Điều 91 Bộ luật Hình sự; Điều 3, Điều 23 Nghị quyết 326/2014/UBTVQH-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội.

Xử phạt bị cáo Ninh Văn H 01 năm 04 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 năm 08 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Ninh Văn H cho UBND xã Đ, huyện L giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

4. Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65, Điều 58, Điều 90, Điều 91 Bộ luật Hình sự; Điều 3, Điều 23 Nghị quyết 326/2014/UBTVQH-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội.

Xử phạt bị cáo Lường Văn L 01 năm 04 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 năm 08 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Lường Văn L cho UBND xã Đ, huyện L giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

5. Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65, Điều 58, Điều 90, Điều 91 Bộ luật Hình sự; Điều 3, Điều 23 Nghị quyết 326/2014/UBTVQH-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội.

Xử phạt bị cáo Lường Văn Th 01 năm 04 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 năm 08 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Lường Văn Th cho UBND xã Đ, huyện L giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

6. Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65, Điều 58, Điều 90, Điều 91 Bộ luật Hình sự; Điều 3, Điều 23 Nghị quyết 326/2014/UBTVQH-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội.

Xử phạt bị cáo Tô Văn T 01 năm 04 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 năm 08 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Tô Văn Tú cho UBND xã Đ, huyện L giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách của án treo, bị cáo nào cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

7. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy đối với 05 chiếc gậy (Thanh kim loại hình trụ) dạng rỗng, màu trắng, đường kính 02 cm có chiều dài lần lượt là 193cm, 195cm, 202cm, 203cm, 300cm và 01 thanh kiếm tự chế.

8. Về án phí: Các bị cáo Quán Văn T (do ông Quán Văn S là người đại diện), Lường Văn K, Nịnh Văn H, Lường Văn L, Lường Văn Th, Tô Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

9. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp của bị cáo, bị hại, người bào chữa cho bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Bắc Giang;
- Viện kiểm sát ND tỉnh Bắc Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Ngạn;
- Công an huyện Lục Ngạn;
- Chi cục THADS huyện lục ngạn;
- Bị cáo; Bị hại; người đại diện của bị cáo, bị hại.
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**T. M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Lê Văn Khiết

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Giáp Văn Phẩm - Dương Văn Hiến

Lê Văn Khiết